TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HS-ST
Ngày: 27/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trịnh Thị Mai Hương

2- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27/6/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HS-ST ngày 02/6/2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Ngọc T, sinh năm 1994 tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Lê Ngọc L và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền sự: Ngày 26/8/2010 bị Ủy ban nhân dân huyện M áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 2588/QĐ-UB-NC về hành vi trộm cắp tài sản, tiền án: Không; bị bắt ngày 28/3/2017. "Có mặt"

Bị hại: Ông Lê Quang T, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ B, ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. "Vắng mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1962

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. "Có mặt"

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/01/2017 bị cáo T ngồi chơi game tại tiệm Internet "Hội quán nét" thuộc ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu thì phát hiện bên kia đường có dựng 01 xe mô tô, hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số 72H7-9106, gắn sẵn chìa khóa trong xe, không người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt và đi đến mở khóa, nổ máy rồi chạy đến rừng tràm thuộc khu vực đập thủy lợi ở ấp C, xã B, huyện M cất giấu. Đến khoảng 08 giờ ngày hôm sau, bị cáo quay lại lấy xe thì xe bị mất. Sau đó, Công an mời bị cáo làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Lê Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Về kết luận định giá: Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 27/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM xác định (Bút lục số 28):

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh, biển số 72H7-9106 trị giá là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt của anh Tuấn là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến khiếu nại về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Cha mẹ bị cáo là ông Lê Ngọc L và bà Nguyễn Thị H đã bồi thường cho bị hại là ông Lê Quang T số tiền 6.000.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là ông Lê Quang T không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm, Kiểm sát viên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh, biển số 72H7-9106 không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là ông Lê Quang T không yêu cầu thu hồi, Kiểm sát viên đề nghị tách phần dân sự về hợp đồng mua bán xe Honda, biển số 72H7-9106 giữa bị hại T và bà Nguyễn Thị Thanh H để giải quyết riêng khi một trong các bên có yêu cầu.

Bản cáo trạng số 47/QĐ-KSĐT ngày 02/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đã truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, cụ thể:

Truy tố: Lê Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự đề nghị mức án đối bị cáo Lê Ngọc T từ 08 tháng 10 tháng tù.

** Phần bồi thường dân sự bị hại Lê Quang T không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.*

** Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh, biển số 72H7-9106 không thu hồi được, đề nghị tách phần dân sự về hợp đồng mua bán xe giữa bị hại T và bà Nguyễn Thị Thanh H để giải quyết trong vụ án dân sự khi một trong các bên có yêu cầu.*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/01/2017 bị

cáo T lén lút chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh, biển số 72H7-9106 của ông Lê Quang T trị giá 6.000.000đ ở ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".* Như vậy, hành vi bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Tuấn có giá trị là 6.000.000đ đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội được áp dụng. Theo hướng dẫn tại điểm b Mục 2 của Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ Tư pháp- Bộ Công an thì Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tối thiểu bằng nhau (đều quy định từ 06 tháng đến 03 năm) nhưng mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất được quy định trong Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là "tù chung thân", còn trong Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là "20 năm". Như vậy, Điều 138 Bộ hình sự năm 1999 quy định hình phạt nặng hơn Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng để xử lý bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện XM áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; vận động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ nhưng không không áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là chưa chính xác.

Về tiền sự:

- Năm 2010 bị cáo bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 2855/QĐ-UB-NC ngày 26/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong ngày 27/7/2012 theo Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 243/GCN-TGD của Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng số 04.

- Năm 2014 bị cáo bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ theo Quyết định số 18/QĐ-XPHC ngày 10/5/2014 của Trưởng Công an xã B, huyện M.

Căn cứ quy định để tính bị cáo có tiền sự hay không đối với trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 02 năm; đối với trường hợp bị xử phạt hành chính là 01 năm kể từ ngày chấp hành xong. Như vậy, bị cáo không có tiền sự. Viện kiểm sát cho rằng bị cáo có tiền sự là chưa chính xác.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã được gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 6.000.000đ không yêu cầu gì thêm, Kiểm sát viên không có đề nghị gì, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh, biển số 72H7-9106 không thu hồi được, giấy đăng ký xe do bà Nguyễn Thị Thanh H đứng tên nhưng hiện nay không xác định được nơi cư trú của bà H, Kiểm sát viên đề nghị tách phần dân sự về hợp đồng mua bán xe giữa bị hại T và bà Nguyễn Thị Thanh H để giải quyết trong vụ án dân sự khi một trong các bên có yêu cầu là có căn cứ.

Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144 của Quốc hội; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2017.

Án phí: Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR- VT;
- Công an tỉnh BR- VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Trần Hiển